

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG TÂN ĐỨC PHÁT

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG TÂN ĐỨC PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN DUC PHAT CONSUMER GOODS PRODUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109205125

3. Ngày thành lập: 03/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 48, Khu B, Tập thể Đại học Kiến trúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Chi tiết:<br>- Giết mổ gia súc, gia cầm;<br>- Chế biến và bảo quản thịt;<br>- Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt                                                                             | 1010     |
| 2.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản<br>Chi tiết:<br>- Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh;<br>- Chế biến và bảo quản thủy sản khô;<br>- Chế biến và bảo quản nước mắm;<br>- Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản | 1020     |
| 3.  | Chế biến và bảo quản rau quả<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất nước ép từ rau quả;<br>- Chế biến và bảo quản rau quả khác                                                                                                                                     | 1030     |
| 4.  | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất dầu, mỡ động vật;<br>- Sản xuất dầu, bơ thực vật.                                                                                                                                           | 1040     |
| 5.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                                    | 1050     |
| 6.  | Xay xát và sản xuất bột thô<br>Chi tiết:<br>- Xay xát;<br>- Sản xuất bột thô                                                                                                                                                                           | 1061     |
| 7.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                          | 1062     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1071        |
| 9.  | Sản xuất đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1072        |
| 10. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1073        |
| 11. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1074        |
| 12. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1075        |
| 13. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt;<br>- Sản xuất dấm;<br>- Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo;<br>- Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi;<br>- Sản xuất sữa tách bơ và bơ. | 1079        |
| 14. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.<br>(Loại trừ đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                  | 4610        |
| 15. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt;<br>- Bán buôn thủy sản;<br>- Bán buôn rau, quả;<br>- Bán buôn cà phê;<br>- Bán buôn chè;<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;<br>- Bán buôn thực phẩm khác              | 4632(Chính) |
| 16. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ uống có cồn;<br>- Bán buôn đồ uống không có cồn                                                                                                                                                                                                                            | 4633        |
| 17. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.                                        | 4711        |
| 18. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                                                                                                           | 4719        |
| 19. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4721        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                           | 4722 |
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4723 |
| 22. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ rau quả lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thực phẩm chín lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thực phẩm loại khác chưa được phân vào đâu | 4781 |
| 23. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết:<br>- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh);<br>- Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh;<br>- Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5610 |
| 24. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5621 |
| 25. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5629 |
| 26. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Quán cà phê, giải khát;<br>- Dịch vụ phục vụ đồ uống khác<br>( Trừ các hoạt động kinh doanh bar, karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5630 |
| 27. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8292 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8299 |
| 29. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4631 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHAN TRÍ PHÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/08/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017005005

Ngày cấp: 09/05/2009

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tân Phong, Xã Phong Vân, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 48, Khu B, Tập thể Đại học Kiến trúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội